

SON TAY TEMPLE OF LITERATURE AND PRESERVATING, PROMOTING OF THE VALUE OF SON TAY'S SCHOLAR HERITAGE

Duong Thi Thu Ha

Tran Nhan Tong Institute, Vietnam National University, Hanoi

Email: hadtt.vnt@vnu.edu.vn

Received: 30/9/2024; Reviewed: 12/10/2024; Revised: 16/10/2024; Accepted: 28/10/2024; Released: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/370>

The vestiges of Son Tay Temple of Literature are currently in Duong Lam commune, Son Tay town, Hanoi city. Son Tay Temple of Literature is a place to honor scholars, the most typical representatives of the studious spirit of the Doai area - a land of talented people. Over the years, along with wars and destruction, Son Tay Temple of Literature now only has traces. Faced with that reality, the research of the Son Tay Temple of Literature and the preservation and promotion of the value of Son Tay's Scholar heritage have both theoretical and practical significance. This contributes to affirming and proving a typical address of the cultural museum of Xu Doai, educating and honoring the tradition of learning for generations about Son Tay - Xu Doai, which is a land of learning with many famous scholars.

Keywords: *Son Tay Temple of Literature; Scholar heritage; Preservation and promotion of the value of heritage; Son Tay town; Culture of learning.*

1. Đặt vấn đề

Xứ Đoài là một vùng đất rộng lớn bao bọc châu thổ sông Hồng ở phía Tây, Tây Bắc và phía Bắc, mà Sơn Tây là vùng trung tâm. Sơn Tây - xứ Đoài là một vùng đất văn vật với nhiều hiền tài có những đóng góp to lớn cho đất nước trong suốt chiều dài lịch sử. Sơn Tây - xứ Đoài vốn là đất học với nhiều nhà khoa bảng lừng danh. Nơi đây đã từng tồn tại một Văn miếu Sơn Tây vào thời Nhà Nguyễn, cùng với đó là việc duy trì hoạt động khoa cử, thể hiện truyền thống hiếu học của người dân nơi đây. Qua thời gian, với những lớp lang văn hóa (VH), giáo dục khoa cử đã bồi tụ một di sản xứng tầm - Di sản khoa bảng Sơn Tây.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu này được chúng tôi tập hợp, phân tích, tổng hợp, trong đó có một số nghiên cứu như: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* (Thêm, 2016); *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản VH phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội* (Trọng, 2010); *Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội* (Đỉnh & Chức, 2004); *Xứ Đoài* (Hoạch, 1999); *Tên gọi xứ Đoài với tư cách là một địa danh* (Anh, 2012); *Một vài cảm nhận về văn hóa xứ Đoài trong bối cảnh đô thị hóa* (Dương, 2024); *Dấu tích Văn miếu Sơn Tây (thị xã Sơn Tây)* (Dương, 2023); *Bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Văn Miếu Sơn Tây* (Thanh, 2018); *Di sản VH về truyền thống hiếu học tỉnh Bắc Ninh* (Nga, 2012);... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên là nguồn tư liệu có giá trị khoa học, được tác giả kế thừa khi nghiên cứu về Văn miếu Sơn Tây trong không gian VH xứ Đoài cũng như VH khoa bảng Sơn Tây, bảo tồn, phát huy di sản khoa bảng Sơn Tây.

3. Phương pháp nghiên cứu

Liên quan đến nội dung nghiên cứu này, tác giả sử dụng một số phương pháp cơ bản như: phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp các nghiên cứu, bài viết liên quan, đề từ đó phân tích, làm rõ nội dung nghiên cứu này.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Một số khái niệm và thuật ngữ

* *Bảo tồn và phát huy*

Bảo tồn (BT) là bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của sự vật, hiện tượng theo dạng thức vốn có của nó. BT gồm bảo tồn nguyên vẹn và BT trên cơ sở kế thừa. BT nguyên vẹn được hiểu là bảo tồn trong dạng tính. Đối với di sản văn hóa (DSVH) vật thể, BT nguyên vẹn là vận dụng thành quả khoa học kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại đảm bảo giữ nguyên trạng hiện vật như vốn có về kích thước, vị trí, chất liệu, đường nét, màu sắc, kiểu dáng. Đối với DSVH phi vật thể, bảo tồn nguyên vẹn là điều tra sưu tầm, thu thập như nó hiện có, giữ chúng trong sách vở, các ghi chép, mô tả bằng băng hình (video), băng tiếng (audio), ảnh... BT trên cơ sở kế thừa là BT trong dạng động. Các DSVH vật thể được BT trên tinh thần giữ gìn nét cơ bản của di sản, cố gắng phục chế lại nguyên trạng bằng nhiều kỹ thuật công nghệ hiện đại. Đối với các DSVH phi vật thể, BT động là BT các hiện tượng VH đó ngay chính trong đời sống cộng đồng.

Phát huy là làm cho giá trị được lan rộng, tiếp tục phát triển thêm giá trị. Phát huy giá trị di sản là sử dụng hiệu quả giá trị vốn có của di sản vào việc giáo dục truyền thống lịch sử, VH, thẩm mỹ, khoa học, kinh tế, du lịch. Phát huy những giá trị đó như là nguồn lực phát triển kinh tế, VH, xã hội, đồng

thời trên cơ sở đó nâng cao trách nhiệm bảo vệ di sản của cộng đồng.

BT và phát huy giá trị DSVH là hai mặt hữu cơ của một quá trình. BT DSVH là việc gìn giữ sự tồn tại của di sản lâu dài, ổn định. Còn phát huy giá trị DSVH là làm cho giá trị của DSVH được lan rộng, tiếp tục tác dụng tích cực tới cộng đồng. DSVH phải được BT mới gìn giữ được giá trị, ngược lại, giá trị di sản phải được phát huy mới đem lại giá trị cho cộng đồng, qua đó khẳng định giá trị của di sản, là động lực bảo tồn di sản.

* *Giá trị*

Theo Tsunesabura Makiguchi, người sáng lập Hội Giáo dục giá trị Nhật Bản: “Giá trị là sự thể hiện có tính định hướng về mối quan hệ giữa chủ thể đánh giá và đối tượng của sự đánh giá”. Các tác giả James Peoples và Garrick Bailey định nghĩa: “Giá trị là cái ý tưởng về các loại mục đích hay các loại lối sống của một cá thể, nó được chia sẻ trong một nhóm hay trong toàn xã hội; nó được cá thể, nhóm, hoặc toàn xã hội mong muốn hay được coi là cái có ý nghĩa” (Thêm, 2016). Đại từ điển tiếng Việt giải thích: Giá trị là cái được xác định có ích, có hiệu quả trong cuộc sống vật chất, tinh thần (Trọng, 2010). Trần Ngọc Thêm nêu định nghĩa về giá trị “là tính chất của khách thể, được chủ thể đánh giá là tích cực xét trong so sánh với các khách thể khác cùng loại trong bối cảnh không gian - thời gian cụ thể” (Thêm, 2016). Theo đó, giá trị di sản là tính chất của di sản được con người (cộng đồng, chủ thể) đánh giá là tích cực, trong sự so sánh với các di sản khác cùng loại, vào cùng thời điểm. Di sản được coi là có giá trị khi cộng đồng, chủ thể xác định là tốt, là tích cực trong sự so sánh với những thứ khác cùng loại.

* *Di sản khoa bảng*

Theo Luật Di sản văn hóa: “DSVH gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2009). DSVH gồm hai loại: DSVH phi vật thể và DSVH vật thể. DSVH phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, VH, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác. DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, VH, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - VH, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Các dạng tồn tại của di sản văn hóa vật thể gồm: DSVH khảo cổ, Di tích kiến trúc - mỹ thuật, Di tích lịch sử, Di tích dân tộc học, Các hiện vật lịch sử VH ...

Khái niệm khoa bảng liên quan đến các danh hiệu học vị của nhà nước phong kiến. Theo đó khoa bảng hàm ý là truyền thống có nhiều người theo đuổi việc học hành, đỗ đạt cao qua các kỳ thi Nho

học của nhà nước phong kiến, tạo nên một truyền thống hiếu học, đỗ đạt qua nhiều thế hệ (Đính & Chức, 2004).

Theo chúng tôi, di sản khoa bảng gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể về truyền thống học hành, đỗ đạt cao qua các kỳ thi Nho học của nhà nước phong kiến, tạo nên một truyền thống khoa bảng qua nhiều thế hệ.

4.2. *Lý thuyết nghiên cứu*

* *Lý thuyết văn hóa vùng*

Vùng VH, khu vực văn hóa (cultural area) được nhà nhân học Mỹ, Clark D. Wissler đưa ra để chỉ một không gian địa lý - lịch sử đặc trưng bởi sự đồng nhất về văn hóa, dựa trên một tổ hợp yếu tố VH, một mô-típ chung được chia sẻ về tinh thần và vật chất, như: ngôn ngữ, nghi lễ, đồ gốm, thực phẩm... Khi một điều chỉnh thực hiện, văn hóa có xu hướng ổn định và trở thành một “tập quán xã hội” chống lại sự thay đổi. Trạng thái cân bằng giữa VH và môi trường có thể bị phá vỡ bởi sự xâm nhập của một truyền thống địa lý - VH khác. Vùng VH, như một lý thuyết về thay đổi VH, cũng cung cấp khả năng suy luận lịch đại. Giả thuyết rằng những đặc điểm VH có nguồn gốc ở trung tâm và khuếch tán ra như những vòng tròn đồng tâm. Nếu những đặc điểm có xu hướng lan truyền với tốc độ tương tự thì sẽ có một mối quan hệ giữa chúng, mối quan hệ về thời gian và không gian (Alice Storey & Terry Jones, 2011).

* *Lý thuyết cấu trúc - chức năng*

Đại diện tiêu biểu của lý thuyết này là ba học giả là Bronislaw Malinowski, Claude Lévi-Strauss và Robert K. Merton. Bronislaw Malinowski (1884-1942) là nhà nhân học Anh gốc Ba Lan, mang quốc tịch Áo, là một trong những nhà nhân học nổi tiếng nhất của thế kỷ XX và là tác giả của thuyết chức năng luận. Với Malinowski, khái niệm chức năng, giống như một công cụ để khám phá và giải thích các hiện tượng VH cụ thể. Đó là một hệ thống cân bằng, trong đó mỗi yếu tố hoặc bộ phận đều thực hiện chức năng của nó. Trong cái chỉnh thể đó, nếu triệt tiêu đi bất cứ một yếu tố nào thì toàn bộ hệ thống xã hội sẽ không vận hành được, nó bị suy thoái và hủy diệt. Nói cách khác, mỗi yếu tố hay thể chế xã hội đều tạo ra sự thống nhất chức năng. Claude Lévi-Strauss (1908-2009) là nhà nhân chủng học và dân tộc học, triết gia người Pháp, người đưa ra thuyết cấu trúc luận - vốn được áp dụng vào phân tích hệ thống văn hóa dựa vào các quan hệ cấu trúc giữa các yếu tố của chúng. Robert K. Merton (1910 - 2003) là nhà xã hội học nổi tiếng người Mỹ với lý thuyết cấu trúc - chức năng. Robert K. Merton nhấn mạnh rằng, giống như các bộ phận khác nhau trong cơ thể con người, mỗi thiết chế xã hội như nhà nước, tôn giáo, gia đình, trường học... đều giữ những chức năng khác nhau, song lại luôn có sự liên hệ mật thiết với nhau theo cơ chế phân công - hợp tác và chính điều này tạo cho xã hội sự cân bằng trong vận động. Mỗi cấu trúc có một chức

nặng nhất định, khi cấu trúc thay đổi thì các thành tố cấu thành cũng vì thế mà thay đổi chức năng cho phù hợp với cấu trúc đó.

4.3. Văn miếu Sơn Tây trong không gian văn hóa xứ Đoài

Xứ Đoài là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, nơi đây hiện bảo lưu dày đặc DSVH vật thể và phi vật thể mang sắc thái riêng, như một trong những không gian /tiểu vùng VH đặc trưng của châu thổ Sông Hồng. Tên gọi xứ Đoài xuất hiện như một quê trong Kinh Dịch “Đoài phương tinh nhất khu” (Hoạch, 1999). Tuy không xác định được thời gian cụ thể của địa danh này, song xứ Đoài vốn đã in sâu trong tâm thức của cư dân và thường xuất hiện như một không gian VH trong các câu ca dao, tục ngữ quen thuộc thời Hậu Lê. “Tiếng ai như tiếng xứ Đoài/Ăn cơm thì ít ăn khoai thì nhiều” (Hoạch, 1999).

Xứ Đoài theo tên gọi trước ngày 01/8/2008 là vùng đất bao quanh phía Bắc, phía Tây và phía Nam Hà Nội, có ngã ba Bạch Hạc, là nơi hợp thành của ba con sông: sông Đà, sông Thao và sông Lô. Xứ Đoài bao gồm trấn Sơn Tây và trấn Sơn Nam Thượng. Trấn Sơn Tây có các huyện: Quốc Oai, Đan Phượng, Phúc Thọ, Bất Bạt, Tùng Thiện, Quảng Oai (nay là huyện Ba Vì) và thị xã Sơn Tây. Trấn Sơn Nam Thượng gồm huyện: Hoài Đức, Thường Tín, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ và thị xã Hà Đông. Theo từng quan điểm, từng thời kỳ, xứ Đoài có thể trải từ Phú Thọ xuống ranh giới phía tây Hà Nội cũ (trước năm 2008), từ dãy Ba Vì sang dãy Tam Đảo, là vùng đất quanh sông Nhuệ, sông Hồng, sông Đáy, hoặc hẹp hơn khi chỉ gồm mấy huyện phía tây Hà Nội. Ngày nay, xứ Đoài là tên gọi độc quyền để chỉ đất Sơn Tây. Đó là vùng đất bán sơn địa phía tây Hà Nội, nơi có sinh cảnh núi đồi xen kẽ với đồng bằng, bãi bồi xen lẫn với các gò đất cao, đồng chiêm ô trũng xen kẽ với những đầm hồ vực lớn, đồi gò xen lẫn với khe rộc... (Anh, 2012).

Xứ Đoài là không gian VH tạo nên bởi tổng thể mối quan hệ đặc thù về vị trí, về môi trường tự nhiên, phong tục tập quán, thiết chế chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo... do chủ thể VH sáng tạo ra và chịu tác động. Xứ Đoài có không gian địa VH đặc trưng với núi cao, gò đồi đá ong, thung lũng, cánh đồng lúa nước,... Nơi đây được định vị bởi sông Đà ở phía trên và sông Hồng ở phía dưới, tả ngạn có ngọn núi Tam Đảo và hữu ngạn có ngọn núi Tản Viên hùng vĩ. Núi Tản Viên không chỉ là ngọn núi huyền thoại trong truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh, mà còn là ngọn núi “linh thiêng” của xứ Đoài. “Thần công trăm trận tan kinh ngạc/Thánh hiền muôn đời dựng núi sông”. Nơi đây còn bảo lưu gần như nguyên vẹn các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, nhà ở truyền thống và hệ thống các truyền thuyết, lễ hội dân gian như: Đền Và, chùa Mía, chùa Tây Phương, chùa Thầy, đình Tây Đằng, truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh, sự tích thần Tản Viên, Bà Man Thiện, Bô Cái Đại Vương - Phùng Hưng... (Dương, 2024).

Hệ thống di sản vật thể và phi vật thể này được lưu truyền từ nhiều đời mà đến ngày nay vẫn được cư dân ở đây thực hành nghiêm cần. Vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính những nét tín ngưỡng ấy đã làm nên tính cách đặc trưng của cư dân xứ Đoài là dung mãnh, quật cường, làm nền tảng cho tính cách anh hùng, thượng võ yêu nước, là đặc trưng truyền thống của con người xứ Đoài qua hàng ngàn năm lịch sử. Trong không gian VH xứ Đoài, Văn miếu Sơn Tây là một giá trị đặc biệt, góp phần tạo ra và khẳng định tính “địa linh nhân kiệt” của nơi đây.

Văn miếu Sơn Tây, thuộc xã Đường Lâm, hiện chỉ còn lại khuôn viên nằm trên địa hình khá cao, nguyên là một quả đồi cũ, phía dưới chân đồi là những ngôi nhà dân sinh. Tuy nhiên, Văn miếu Sơn Tây vẫn là một công trình mang đậm nét VH của người Việt, nơi tôn vinh những nhà khoa bảng, những người đại diện tiêu biểu nhất cho tinh thần hiếu học của dân tộc nói chung và xứ Đoài nói riêng. Văn miếu Sơn Tây là Văn miếu hàng tinh. Mục đích của việc dựng Văn miếu ở hàng tinh được ghi lại một cách rõ ràng trong Văn thánh bi: “Nhân nghĩ những người xuất thân văn học, nổi danh khoa giáp của hạt ta đời nào cũng không thiếu; văn chương và sự nghiệp của họ vẫn còn truyền tụng đến nay. Đồi với các vị ấy, bảng vàng, bia đá tự đã có ân thưởng, biểu dương, khen thưởng của triều đình. Tuy nhiên, ở chốn quê nhà, ngoài cảnh cung tường cũng nên dựng đá, khắc tên các vị ấy ở phía trước, tiếp theo bia Thái học ở Văn miếu Hà Nội, để cùng lưu truyền bất hủ, sao cho mọi người thấy được công lao hàm dưỡng rất sâu của các triều; mặt khác thấy được sự hun đúc rất rộng của Thánh giáo, chứ tuyệt nhiên không có ý tiếm quyền”. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi: “Văn miếu ở xã Mông Phụ, huyện Phúc Thọ về phía tây tỉnh thành, đền Khải Thánh (nơi thờ cha mẹ Khổng Tử) ở phía tây Văn miếu, trước kia đền Khải Thánh ở xã Cam Giá Thịnh, năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) dời đến chỗ hiện nay”. Văn miếu nhìn về hướng nam, phía trước là 5 quả đồi như năm quả chuông trời thả xuống cho vùng địa linh... Nơi đây có bên Sấm, bên Mái, bên kia sông là đồi bên Sấm, đồi bên Cốc, đồi Gậy Quang, đồi lầy Lê Á Lan, Lê Anh Tuấn (tượng của Hai Bà Trưng), kê bên là Gò Đống với thể đất hình nhân, nơi an nghỉ vĩnh hằng của xứ thần Giang Văn Minh, phía sau Văn miếu là ba gò. Người xưa có câu “tiền Ngũ Nhạc, hậu Tam Thai” (Dương, 2023).

Văn miếu Sơn Tây xưa tọa lạc trên một khu đất hình chữ nhật, có tường xây bao quanh bằng gạch đá ong... Toàn bộ khu di tích được dân trải trên một đường chính đạo chạy dọc công trình theo hướng Bắc - Nam. Đi từ ngoài vào trong dọc theo đường chính đạo ta bắt gặp các công trình kiến trúc: trước tiên là hồ sen có hình bán nguyệt, được xây kê bằng đá, bên trong hồ được trồng rất nhiều sen. Trên bờ hồ, giáp với đường cái là bốn cột trụ của tiền môn. Qua chín bậc đá cặm thạch là đường gạch đi giữa hai hàng thông. Bốn cột trụ hình vuông, phía trên có đắp nổi hình cánh phượng. Tiếp đến là Văn Miếu

môn, đây là công trình diện mạo kiến trúc được lưu lại trong một tấm ảnh chụp vào đầu thế kỷ XX. Văn Miếu môn tức là công Văn miếu ở ngoài cùng, công có ba cửa, được xây hai tầng kiểu chồng diêm tám mái, nhưng cửa giữa to, vưon cao hơn hai cửa bên. Kiểu dáng kiến trúc của công trình này có nhiều nét độc đáo đáng lưu ý. Nhìn bên ngoài Văn miếu môn là ba kiến trúc riêng biệt. Cửa chính giữa xây hai tầng. Tầng trên làm 4 mái, mặt trước và sau có trở cửa hình tròn (tượng trưng cho mặt trời), bên trên cửa có một bức phù điêu đề hai chữ Phú Mỹ, phía trên cùng được chia ô đắp các bức phù điêu. Hai gian bên của cửa giữa xây hai tầng, tầng dưới to, rộng, tầng trên nhỏ. Trên bờ nóc của tầng mái trên có đắp 2 con rồng châu vào gian giữa. Trên mỗi gian đều được trở một cửa cuốn, 3 cửa tầng dưới đều có cánh cửa, những cánh cửa này chỉ được mở vào các dịp lễ trọng. Đi qua công chính Văn Miếu môn có một con đường lát gạch ta bắt gặp lầu chuông và lầu trống (gọi là Tả chung Hữu cô), được dựng đối xứng nhau qua đường chính đạo, cả hai đều được dựng hình bát giác, hai tầng mái, tầng dưới 8 mái, tầng trên 4 mái, kiểu thức này ít gặp trong các công trình kiến trúc cổ. Tiếp sau lầu chuông và lầu trống là hai dãy tả vu và hữu vu được dựng theo mô típ nhà Việt cổ truyền với một tầng mái, tường hồi bít đốc. Xưa kia Tả vu và Hữu vu mỗi bên xây 5 bệ kê 5 khán thờ Thất thập nhị hiền, trên có bài vị, và là nơi dựng bia đá đề danh những người đỗ đạt trong tinh. Chính trước mặt là toà Đại Bái thâm nghiêm trải suốt chiều rộng của sân, được dựng kiểu chồng diêm tám mái, tường hồi bít đốc. Sau Đại Bái và song song với Đại Bái là toà Thượng điện thâm nghiêm, chiều dài tương tự toà Đại Bái nhưng chiều rộng gấp ba lần, có hai tầng mái, tường hồi bít đốc. Không gian trong Thượng điện kín đáo, gian chính giữa có khám và ngai đề trên một bệ xây, trong có bài vị Chí thánh tiên sư Không Tử. Các gian bên cũng có bệ xây và cũng có khám, trong khám có ngai và bài vị. Bên trái có hai ngai thờ Tăng Tử và Mạnh Tử (á thánh), bên phải cũng có hai ngai thờ Nhan Tử và Tử Tư. Bộn vị được thờ trên đây tức là Tứ phối. Hai gian đầu hồi cũng có hai khám lớn xếp châu vào gian giữa, thờ Thập triết. Từ trước cửa Văn Miếu đi theo hai con đường qua đầu hồi của Tả vu và Hữu vu là sang điện Khái Thánh (Thanh, 2018).

Có thể thấy, về bố cục mặt bằng và cơ cấu các công trình của Văn miếu Sơn Tây, có sự tương đồng như đối với một số văn miếu hàng tỉnh khác. Đây là một công trình lớn, đồ sộ và mang phong cách kiến trúc Nguyên, cuối thế kỷ XIX. Đối với Văn miếu, di vật có giá trị nhất là những tấm bia đá ghi tên những vị tiền sĩ, đỗ đạt của địa phương. Tiếc rằng, trải qua nhiều biến cố, Văn miếu Sơn Tây đã bị phá hoại, mất, vỡ vụn. May mắn thay, nội dung một trong những tấm bia ấy đã được một cụ già địa phương ghi lại, đây là cơ sở để phục dựng lại tấm bia này. Ngày nay, chiếc khánh đồng - khánh đá và chín tấm bia còn lưu giữ tại đình Mông Phụ, Văn miếu Sơn Tây đã được UBND tỉnh Hà Tây xếp hạng di tích

lịch sử - VH năm 2008.

4.4. Văn hóa khoa bảng Sơn Tây

Trong hệ thống Văn miếu ở nước ta, ngoài Văn Miếu ở Thăng Long và Văn Miếu Huế là Văn miếu ở Kinh đô, còn có các Văn miếu khác thuộc Văn miếu hàng tỉnh, hàng huyện, bên cạnh thờ tự Không Tử và các tiên Nho, còn thờ phụ các tiền sĩ Nho học, nhà khoa bảng của địa phương, như Văn Miếu Mao Điền (Hải Dương) phối thờ Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Mạc Đĩnh Chi, Vũ Hữu, Phạm Sư Mạnh...; Văn Miếu Xích Đằng (Hưng Yên) thờ Chu Văn An, các tiền sĩ Nho học tỉnh Hưng Yên.... Đến thời Nguyễn tồn tại một hệ thống gồm 28 Văn miếu, trong đó có 2 Văn miếu thuộc Kinh đô, và 26 Văn miếu hàng tỉnh như: Văn Miếu huyện Đông Ngàn (Bắc Ninh) (Nga, 2012), Văn Thánh miếu Minh Hương, Văn Miếu Sơn Tây, Văn miếu Nghi Xuân (Hà Tĩnh)...

Việc thi cử được khởi đầu từ năm 1075 với khoa thi Nho học tam trường để tuyển Minh kinh Bác học. Chế độ khoa cử dần hoàn thiện vào thời Lê, với ba kỳ thi chính thức do triều đình tổ chức là Thi Hương, thi Hội, thi Đình. Mỗi kỳ thi được tổ chức tại những địa điểm khác nhau, đó chính là trường thi. “Dưới thời Lê, bốn trấn Sơn Nam, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, hai xứ Thanh Hóa, Nghệ An, phủ Phụng Thiên phụ cận kinh kỳ và Tuyên Quang, Hưng Hóa Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng ở ngoại trấn cứ đến khoa thi mỗi trấn đều mở trường thi Hương” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998). Việc thi cử được thực hiện cho đến khoa thi Hội cuối cùng được tổ chức dưới thời Nguyễn vào năm 1919.

Văn miếu Sơn Tây là một bộ phận quan trọng của DSVH xứ Đoài - Sơn Tây. Là tài sản quý giá có vai trò to lớn trong việc giáo dục về lịch sử, VH, khoa học, truyền thống khoa bảng và là một nguồn lực cho phát triển bền vững của địa phương. Quá trình du nhập vào nước ta, tư tưởng Nho học đã được nội địa hóa, Việt hóa, trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho việc xây dựng, quản lý và phát triển đất nước của các triều đại quân chủ Việt Nam. Văn miếu Sơn Tây cũng như các Văn miếu khác ở nước ta, được xây dựng không phải chỉ là, không phải để làm nơi tôn vinh ông tổ của Nho giáo - Không Tử và các môn đệ của ông, mà là nơi đào tạo nhân tài, là trường học. Dù vẫn tôn trọng giáo lý, lễ lối, phép tắc Nho giáo, nhưng Văn Miếu Sơn Tây nói riêng, Văn Miếu ở Việt Nam nói chung lại kết hợp hài hòa với VH bản địa, mang sắc thái của VH bản địa. Ngoài vẻ đẹp của không gian kiến trúc, sự linh thiêng của đối tượng được thờ phụng, Văn Miếu còn mang đậm bản sắc Việt Nam. Văn miếu Sơn Tây là biểu tượng của khuyến học, khuyến tài, truyền thống tôn sư trọng đạo của người dân xứ Đoài.

Như các Văn miếu khác ở Việt Nam, Văn miếu Sơn vừa là thiết chế chính trị - tinh thần, vừa là thiết chế VH - xã hội. Văn miếu Sơn Tây là nơi thờ tự các danh nhân Nho học, đó là các bậc tiên thánh, tiên hiền, danh nhân khoa bảng, là thiết chế tinh thần

của nhà nước. Là thiết chế chính trị, nên các Văn miếu được tổ chức theo “chiều dọc” từ trên xuống dưới, từ Văn miếu Trung ương đến Văn miếu hàng tỉnh”, quy định rõ về quy mô, hoạt động. Văn miếu Sơn Tây thuộc Văn miếu hàng tỉnh. Đây là nơi đào tạo, tôn vinh các nhà khoa bảng, trí thức của địa phương. Các hoạt động tại Văn miếu, văn bia, câu đối, đại tự, sắc phong,... phản ánh hoạt động khoa cử xưa tại Văn miếu Sơn Tây.

Mảnh đất địa linh Sơn Tây cũng sinh ra nhiều vị khoa bảng. Trong lịch sử khoa cử Việt Nam, Sơn Tây - xứ Đoài đã có hàng trăm nhà khoa bảng nổi danh. Sơn Tây là nơi nổi lên những dòng họ danh tiếng như họ Ngô (Ngô gia văn phái), họ Phan (Sài Sơn), họ Phùng (Đường Lâm), họ Đặng (Chương Mỹ). Theo tác giả Phan Huy Ôn, trong “Sơn Tây đăng khoa khảo”, nguyên trích từ Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo (1755 - 1768) có nêu các vị đỗ đạt các đời của tỉnh Sơn Tây, tổng cộng có 282 vị, trong đó có 1 trạng nguyên, 6 bảng nhãn và 4 thám hoa, 65 hoàng giáp, 200 đồng tiến sĩ, 2 thái học sinh, 2 minh kinh, 2 chế khoa. Trong tác phẩm “Những ông nghệ, ông công triều Nguyễn” của tác giả Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Loan và Lan Hương cũng đề cập đến các vị thi đỗ dưới triều Nguyễn ở Sơn Tây. Tiêu biểu phải kể đến Giang Văn Minh (1573-1638). Ông có tên tự là Quốc Hoa, người xã Mông Phụ, huyện Thượng Phúc (nay là thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội). Năm 55 tuổi ông đỗ đầu kỳ thi Hội, Đệ Nhất giáp Tiên sĩ cấp đệ tam danh Thám hoa, khoa Mậu Thân (1628), triều Lê Thần Tông. Ông làm quan trong triều đình Lê - Trịnh đến chức Tự khanh và từng được cử đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc). Kiều Oánh Mậu (1853-1912). Ông có tên tự là Từ Yên, người xã Đông Sàng, huyện Phúc Thọ (nay thuộc thị xã Sơn Tây, Hà Nội). Ông thi đỗ cử nhân năm Kỷ Mão và thi đỗ Phó bảng năm Canh Thìn. Ông giữ các chức quan như: tri phủ, tri huyện, đốc học Bắc Giang.

Có thể nói, Văn miếu Sơn Tây và văn hóa khoa bảng Sơn Tây đã và cần trở thành tài sản vật chất và tinh thần cả cha ông trao truyền cho thế hệ chúng ta và các thế hệ sau. Văn miếu Sơn Tây và VH khoa bảng Sơn Tây gắn với nền giáo dục truyền thống, với sự du nhập và tồn tại của Nho giáo và Nho học, góp phần phát triển kinh tế xã hội, là một trong những giá trị đặc sắc của Sơn Tây - Văn miếu và văn hóa khoa bảng Sơn Tây. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Văn Miếu và VH khoa bảng Sơn Tây là việc làm có ý thiết thực, đặc biệt giá trị trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

5. Thảo luận

5.1. Nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây

Một là, tuân thủ những quy định của pháp luật và các văn bản pháp quy quy định về bảo vệ di sản VH. Trong đó, việc bảo tồn và phát huy là phải giữ gìn được tính chân xác về mặt lịch sử, VH và tính toàn vẹn của di sản bằng các giải pháp kỹ thuật khác

nhau để bảo tồn các yếu tố gốc của di tích, nhằm đảm bảo sự tồn tại lâu dài, ổn định, toàn vẹn của di sản. Điều này giúp bảo vệ giá trị, tính xác thực của di sản, làm cơ sở để phát huy giá trị di sản.

Hai là, quá trình bảo tồn, phát huy giá trị di sản phải chú ý tính liên tục về mặt phát triển VH, tính kế thừa và tiếp biến văn hóa.

Ba là, cần xây dựng được quy hoạch tổng thể, việc bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây cần đặt trong mối liên hệ tổng thể với VH xứ Đoài, với tư cách là thành phần cấu trúc - chức năng văn hóa xứ Đoài.

Bốn là, phát huy vai trò tích cực, tổng thể của các thành phần xã hội. Huy động nguồn lực vật chất và tinh thần tham gia công tác bảo tồn và phát huy di sản từ các doanh nghiệp, các dự án, các tổ chức chính trị, xã hội và đặc biệt là sự tham gia của người dân địa phương - những người với tư cách là chủ thể tạo ra di sản, nuôi dưỡng di sản, bảo tồn và phát huy di sản.

Năm là, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp một các khoa học, hợp lý, trong đó có việc học tập mô hình triển khai từ các di tích, di sản Nho học ở Việt Nam và thế giới để đảm bảo tính đặc sắc riêng có của Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây.

5.2. Một số gợi ý về giải pháp

Thứ nhất, tăng cường nhận thức pháp luật về bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây cho các chủ thể, trong đó nòng cốt là cơ quan quản lý nhà nước về VH, cộng đồng cư dân địa phương và khách đến thăm quan, chiêm bái Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây. Thực tiễn cho thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định hành lang bảo vệ di sản đã khá đầy đủ, nhưng việc hiểu pháp luật và giá trị của di sản thì mặt bằng chung của người dân chưa cao. Vô tình vì sự tiện lợi trong hoạt động, vì mục tiêu trước mắt, những lợi ích kinh tế đem lại đôi khi chúng ta đã làm mất đi giá trị riêng có của di sản văn hóa mà thời gian và tiền của cũng không thể thay thế và lấy lại được. Vì thế, tuyên truyền pháp luật bảo vệ di sản là điều rất quan trọng, không chỉ góp phần ngăn ngừa sự vi phạm, mà còn góp phần nâng cao ý thức bảo vệ di sản. Bởi cách tác động tốt nhất tới hành động của mỗi người là tác động đến nhận thức của họ, mà muốn vậy phải cung cấp tri thức để họ hiểu đúng, nhận thức đúng và hành động đúng. Do vậy, công tác thông tin, tuyên truyền không chỉ về giá trị di sản mà cả về pháp luật, quy định bảo vệ di sản giúp cho việc thực thi pháp luật hiệu quả hơn, góp phần bảo vệ di sản. Mặt khác, trong khi chưa có văn bản chính thức thừa nhận loại hình di sản Nho giáo (trong đó có Văn miếu) làm cơ sở để chính quyền địa phương, người dân gìn giữ, phát huy. Vì vậy, cần có văn bản xác định, hướng dẫn công tác bảo tồn phát huy giá trị Văn Miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây.

Thứ hai, quy hoạch mang tính đồng bộ, khoa học, quan tâm đến tính đặc thù của Văn Miếu và

di sản khoa bảng Sơn Tây. Cụ thể, công tác gồm quy hoạch sư tâm, bảo quản, tu bổ, phục hồi Văn Miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây cần tập trung: bảo quản và tôn tạo các hạng mục trong khuôn viên Văn miếu Sơn Tây; nghiên cứu bổ sung các hạng mục công trình phụ trợ như tuyến đường di chuyển, điếm dừng nghỉ chân, bãi đỗ xe, phòng cháy chữa cháy, thu gom rác, địa điếm bán quà lưu niệm và giới thiệu sản phẩm địa phương, dịch vụ chụp ảnh, cho thuê trang phục; những hạng mục kiến trúc cần được nghiên cứu, khảo sát, đánh giá để phục dựng giống với nguyên bản nhất; tôn tạo, cải tạo khuôn viên cảnh quan, môi trường sinh thái tự nhiên và khu vực lân cận Văn Miếu. Chú ý đến tính chất tính Văn miếu thuộc di tích Nho học và liên quan đến nền giáo dục truyền thống, đến việc đào tạo, học tập, nên không gian, cảnh quan cũng cần được nghiên cứu sao cho phù hợp với việc học tập, rèn luyện, đề cao tinh thần hiếu học, vượt khó, đề cao tinh thần tôn trọng đạo. Mặt khác, cần có quy hoạch tổng thể tiếp cận Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây như một hợp phần quan trọng, một bộ phận cấu thành tính đặc sắc của di sản xứ Đoài - Sơn Tây. Trong đó, xứ Đoài - Sơn Tây cần được xem xét, quy hoạch trở thành thành phố di sản VH đặc sắc của thủ đô Hà Nội.

Thứ ba, bảo tồn và phát huy giá trị di sản trên nguyên tắc phát triển bền vững. Phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây chính là khai thác giá trị di sản nhằm thỏa mãn nguyên tắc phát triển bền vững, là biện pháp bảo tồn có hiệu quả nhất. Việc tổ chức hoạt động phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây được thực hiện căn cứ vào các giá trị của di sản, đồng thời dựa trên mục đích sử dụng. Mục đích sử dụng có thể phục vụ bảo tồn và phát triển VH, xã hội, có thể là bảo tồn truyền thống cộng đồng, và có thể vì mục tiêu kinh tế. Vì thế, hướng bảo tồn và phát huy bền vững là cần đảm bảo hài hòa các mục đích nêu trên. Để thực hiện được điều đó, trước hết việc bảo tồn phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng cần hướng tới cộng đồng, đề cộng đồng tham gia có trách nhiệm, trực tiếp đóng góp công sức vào việc bảo tồn, đồng thời đem lại sinh kế cho họ. Tăng cường truyền thông về lịch sử, vai trò và giá trị của Văn miếu và di sản khoa bảng trong và trước hết tại cộng đồng địa phương, để cộng đồng địa phương biết, hiểu và có khả năng được thụ hưởng giá trị của di sản. Từ đó, nâng cao niềm tự hào về quê hương, nâng cao trách nhiệm, ý thức bảo vệ di sản của họ bằng những hành động cụ thể, đúng đắn, khoa học, phù hợp. Huy động vai trò của các dòng họ khoa bảng và danh nhân gắn với Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây. Họ sẽ là những nhân tố tích cực bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây. Mặt khác, họ cũng là nhân chứng và cung cấp tư liệu trong quá trình sưu tập, tập hợp, phục dựng các hoạt động khoa cử liên quan đến Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây.

Thứ tư, duy trì và tổ chức hoạt động VH, khoa học, giáo dục tại Văn miếu Sơn Tây. Việc làm này

sẽ lan tỏa sức ảnh hưởng của di sản tới cộng đồng tốt nhất. Văn miếu không còn là nơi chỉ thờ Khổng Tử và các vị tiên hiền mà còn hoạt động với tư cách như một trung tâm VH, khoa học, giáo dục của địa phương. Tổ chức các hoạt động VH, khoa học, giáo dục, vinh danh tại Văn miếu Sơn Tây, trước hết là hoạt động giáo dục địa phương tại các trường phổ thông trên địa bàn, vinh danh những cá nhân hoặc dòng họ khoa bảng tại Sơn Tây, tổ chức các tọa đàm và hội thảo khoa học, tổ chức triển lãm, hội thảo,... Bên cạnh đó, tổ chức các sự kiện VH, tâm linh như lễ dâng hương tại Văn miếu trong các dịp lễ tết truyền thống, đầu năm học cho học sinh, vinh danh truyền thống hiếu học của địa phương nhằm bồi dưỡng tinh thần hiếu học, trọng tài, tôn sư cho thế hệ trẻ. Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch xây dựng chương trình du lịch học tập với điểm đến là Văn miếu Sơn Tây, chương trình nghiên cứu di tích Nho học tại Việt Nam có kết nối với di tích Văn miếu Sơn Tây, chương trình trải nghiệm xứ Đoài - một vùng di sản với các điểm đến như làng cổ Đường Lâm, đền Và, Thành cổ Sơn Tây, Văn miếu Sơn Tây,...

Thứ năm, tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm đài, báo, các tờ gấp, tờ rơi, sách, đĩa CD, DVD; các biển quảng cáo cỡ lớn đặt tại các trọng điểm giao thông; internet, các website, xuất bản các sách ảnh, sách chuyên khảo về Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây. Tổ chức các chương trình fantrip, các chương trình trải nghiệm có sự hỗ trợ của công nghệ như 3D, 4D, ánh sáng, âm thanh để tạo hiệu ứng tốt nhất cho những đoàn khách fantrip là các chuyên gia. Từ đó, thu nhận ý kiến phản hồi của chuyên gia trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các chương trình trải nghiệm, hoạt động, du lịch gắn với Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây.

Thứ sáu, đầu tư cho nguồn lực bao gồm nguồn nhân lực, tài chính, các điều kiện cơ sở vật chất, cơ chế chính sách. Cần đầu tư nhân lực cả về số lượng và chất lượng như cử đi đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ về quản lý di sản, nghiệp vụ bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích. Tăng đầu tư, bố trí ngân sách hoặc tìm nguồn xã hội hóa cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây, tạo điều kiện thu hút và phát triển du lịch trong đó Văn miếu và một điểm đến khi đến Sơn Tây. Cùng đó, tăng cường mối liên kết giữa các di tích Văn miếu, giữa các đơn vị quản lý di sản. Quan tâm, đầu tư điều kiện cơ sở vật chất cho di sản từ đường giao thông kết nối các di sản tại Sơn Tây đến hạ tầng, thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu sưu tầm và phục dựng di sản. Đặc biệt, chính quyền địa phương, cán bộ làm công tác văn hóa cần chủ động tham mưu và đề xuất với cấp trên để có được cơ chế chính sách phù hợp không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn và phát huy giá trị Văn miếu và di sản khoa bảng Sơn Tây mà trong một tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, VH của Sơn Tây.

6. Kết luận

Văn Miếu Sơn Tây là địa điểm lưu dấu DSVH đặc sắc của vùng đất địa linh nhân kiệt - xứ Đoài. Giống như các di tích Nho học khác, ngoài việc thờ Khổng Tử và các vị tiên hiền, đây còn là nơi đào tạo nhân tài và lưu danh các bậc hiền tài mà danh tiếng và công lao của họ đã làm rạng danh quốc gia văn hiến, là biểu tượng của sự khuyến

học, và truyền thông khoa bảng của xứ Đoài xưa và Sơn Tây ngày nay. Tuy nhiên, để Văn miếu Sơn Tây và di sản khoa bảng Sơn Tây phát triển xứng tầm thì việc BT và phát huy giá trị di sản cần sự chung lưng, đầu cột của nhiều lực lượng và nguồn lực xã hội, trong đó trước hết và có tính quyết định là chính quyền, những người làm công tác VH và người dân Sơn Tây.

Tài liệu tham khảo

- Anh, N. P. (2012). Tên gọi Xứ Đoài với tư cách là một địa danh. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, (6).
- Dương, P. V. *Một vài cảm nhận về văn hóa xứ Đoài trong bối cảnh đô thị hóa*. Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, tháng 3/2024.
- Dương, S. (2023). Dấu tích Văn miếu Sơn Tây (Thị xã Sơn Tây) <https://nguoihanoi.vn/dau-tich-van-mieu-son-tay-thi-xa-son-tay-74612.html>
- Đính, B. X & Chức, N. V. (2004). *Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Hoạch, K. T. (1999). *Xứ Đoài*. Hà Nội: Nxb. Văn hoá dân tộc.
- Nga, L. V. (2012). *Di sản văn hóa về truyền thống hiếu học tỉnh Bắc Ninh*. Bảo tàng Bắc Ninh.

- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Tập I, tập II. Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2009). *Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Trọng, V. Q. (2010). *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
- Thêm, T. N. (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
- Thanh, P. (2018). *Bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử Văn Miếu Sơn Tây*. http://sontay.hanoi.gov.vn/chi-tiet-tim-kiem/-/view_content/2554660-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-tich-lich-su-van-mieu-son-tay.html.

VĂN MIẾU SƠN TÂY VÀ VIỆC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN KHOA BẢNG SƠN TÂY

Dương Thị Thu Hà

Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: hadtt.vmt@vnu.edu.vn

Nhận bài: 30/9/2024; Phản biện: 12/10/2024; Tác giả sửa: 16/10/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024; Phát hành: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/370>

Dấu tích Văn miếu Sơn Tây hiện ở xã Đường Lâm, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Văn miếu Sơn Tây là nơi tôn vinh những nhà khoa bảng, những người đại diện tiêu biểu nhất cho tinh thần hiếu học của xứ Đoài - vùng đất địa linh nhân kiệt. Trải qua năm tháng, cùng với những cuộc chiến tranh, sự tàn phá, Văn miếu Sơn Tây hiện chỉ còn dấu tích. Trước thực tiễn đó, việc nghiên cứu Văn miếu Sơn Tây và việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản khoa bảng Sơn Tây có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Điều này góp phần khẳng định, chứng minh một địa chỉ tiêu biểu của kho bảo tàng văn hóa xứ Đoài, giáo dục, tôn vinh truyền thống hiếu học cho các thế hệ về một Sơn Tây - Xứ Đoài vốn là đất học với nhiều nhà khoa bảng lừng danh.

Từ khóa: Văn miếu Sơn Tây; Di sản khoa bảng; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản; Thị xã Sơn Tây; Văn hóa khoa bảng.